

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUAN HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12-8-2020

V/v: Tranh chấp Ly hôn và  
nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Mừng

2. Ông Hoàng Văn Hùng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Dụ – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 07/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/02/2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Hà Thị D**, sinh năm 1996

Trú tại: Bản Ho, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

*Bị đơn:* Anh **Hà Văn H**, sinh năm 1990

Trú tại: Bản San, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2020; Bản tự khai ngày 31/01/2020 và quá trình xét xử, nguyên đơn Hà Thị D trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Hà Văn H đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đầm ấm, tuy nhiên đến cuối năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn tình cảm, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm

sống khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương nhiều lần dàn xếp, hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được. Chị và anh Hoàng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 và hiện tại chị không có thai nghén. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, để chị yên tâm làm ăn và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân, chị và anh Hà Văn H có 02 con chung, tên các cháu là: Hà Thị D, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Hà Quang H, sinh ngày 27/11/2015, hiện tại các cháu đang ở với bố và ông bà nội. Tại đơn khởi kiện thì chị có nguyện vọng muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Quang H cho đến khi cháu trưởng thành; Anh Hà Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Thị D cho đến khi cháu trưởng thành. Ngày 29/4/2020 chị thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần nuôi con chung, chị có nguyện vọng muốn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung của chị và anh H, vì anh H đã đi khỏi địa phương, không có trách nhiệm với các con, các con đang gửi ông bà. Tại phiên tòa chị có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hà Thị D cho đến khi cháu trưởng thành và để anh H nuôi cháu Hà Quang H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vì mỗi người nuôi 01 con chung, nên chị không yêu cầu anh Hà Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Vì theo chị, nay chị có thu nhập được khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng hàng tháng, đủ trang trải cuộc sống của mẹ con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện nộp án phí theo quy định.

*Tại bản tự khai đề ngày 25/02/2020 và tại phiên tòa anh Hà Văn H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh vẫn còn yêu thương chị Hà Thị D, muốn chị D quay về đoàn tụ cùng anh để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, còn nếu chị D kiên quyết mong muốn ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn, tại phiên tòa anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị D có 02 chung, đó là cháu Hà Thị D, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Hà Quang H, sinh ngày 27/11/2015. Nếu phải ly hôn thì cháu Hà Quang H ở với anh, cháu Hà Thị D ở với mẹ.

Về cấp dưỡng: Đồng ý với ý kiến của chị D.

Về tài sản: Tại bản tự khai thì anh H không có ý kiến, tại phiên tòa thì anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Các con của chị D và anh H chưa đủ 07 tuổi nên chưa có bản ghi ý kiến trong hồ sơ vụ án.

***Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Hà Văn H giai đoạn đầu tố tụng đã chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ. Đến khoảng cuối tháng 4/2020 thì anh thường đi làm ăn xa, nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, đã nhận được thông báo thụ lý, có bản tự khai và biết được việc cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập nhưng cố tình trốn tránh vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng về công khai chứng cứ, hòa giải, tại phiên tòa và phiên tòa trước, tại phiên tòa lần này anh đã có mặt. Như vậy, Bị đơn đã một phần không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa, xét thấy: Vợ chồng chị D và anh H chung sống và kết hôn theo đúng quy định, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và từ đó vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D và anh H có 02 con chung là cháu Hà Thị D, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Hà Quang H, sinh ngày 27/11/2015, hiện các cháu đang ở với bố và ông bà nội, do các cháu chưa đủ 07 tuổi nên chưa có bản ghi ý kiến. Anh H đề nghị được nuôi cả 02 con chung, nhưng anh không việc làm ổn định, đang đi làm ăn xa; Chị D có nguyện vọng muốn được nuôi cháu Hà Thị D, để anh H nuôi cháu Hà Quang H và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên chấp nhận đề nghị này; Tài sản chung, nợ nần chung: Chị D và anh H không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

Từ những phân tích trên:

Căn cứ vào các Điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều 28, điều 35, khoản 4 điều 147, điều 271, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UNTƯQ/H14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị D:

- Về Hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị D ly hôn với anh Hà Văn H.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Hà Thị D, sinh ngày 22/12/2013 cho chị Hà Thị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Giao cháu Hà Quang H, sinh ngày 27/11/2015 cho anh Hà Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Không ai được ngăn cấm, cản trở anh chị thăm nom con chung. Chị Hà Thị D và anh Hà Văn H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Hà Thị D tự nguyện chịu án phí, nên chị phải nộp 300.000<sup>d</sup> án phí theo quy định.

- Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

- Kiến nghị khắc phục khác: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều vào các điều 28, điều 35, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh Hà Văn H đang cư trú và sinh sống tại: Bản San, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Hà Văn Hoàng không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Hà Văn H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh Hà Văn H đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh Hoàng đều không đến tham gia phiên hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa, anh Hoàng đã có mặt, nên cho thấy anh H đã hợp tác một phần trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”. Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Hà Thị D là Nguyên đơn; anh Hà Văn H là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với Nguyên đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Hà Văn H đã được thông báo thụ lý vụ án, có bản tự

khai, giao nộp đầy đủ tài liệu chứng cứ, nhưng triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, không có lý do. Qua xác minh tại địa phương và tại phiên tòa hôm nay, thì anh Hà Văn H từ trước thì luôn có mặt tại địa phương, đến cuối tháng 4/2020 thì đi làm ăn xa, ít khi ở nhà, người nhà anh H cho biết là anh đi làm nhưng không biết địa chỉ ở đâu, chỉ liên lạc về bằng điện thoại, chưa chuyển khẩu đi đâu và anh đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng anh H cố tình trốn tránh, không hợp tác trong giải quyết vụ án, nhưng đến ngày hôm nay thì anh H đã tham gia phiên tòa. Do vậy, Bị đơn chấp hành chưa tốt quyền và nghĩa vụ quy định tại điều Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản xác định mâu thuẫn và tại phiên tòa thì: Chị Hà Thị D và anh Hà Văn H kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 17/01/2014 tại UBND xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến cuối năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, hiện tại mỗi người một nơi, không còn qua lại, không quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được chính quyền xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, chị Hà Thị D nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hà Văn H, đồng thời anh H nêu trong bản khai, nếu chị D kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý. Tại phiên tòa thì anh H lại không muốn ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị D và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Hà Thị D được ly hôn anh Hà Văn H.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị D và anh Hà Văn H có 02 con chung, tên các cháu là Hà Thị D, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Hà Quang H, sinh ngày 27/11/2015. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, các cháu đang ở với ông bà nội và anh H, nhưng anh H đi làm xa, ông bà nội đã già cả, các cháu lại đang còn nhỏ; Tại phiên tòa chị D đề nghị muốn được nuôi dưỡng cháu Hà Thị D, anh H nuôi dưỡng cháu Hà Quang H vì cháu hào là con trai, còn anh Hà Văn H muốn được nuôi dưỡng cả 02 con chung. HĐXX nhận thấy, anh chị đều làm nghề trồng trọt và lao động tự do, thu nhập ngang nhau, đều là người có trách nhiệm với con cái và để đảm bảo cho sự phát triển của các cháu về thể chất, tinh thần. Nên chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị D, giao cháu Hà Thị D cho chị Hà Thị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Giao cháu Hà Quang H cho anh Hà Văn H là

người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Chị D và anh Hà Văn H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hà Thị D và anh Hà Văn H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Hà Thị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Điều 28, điều 35, điều 39, điều 68, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 điều 210, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật Dân sự;

Điều 8, điều 9, khoản 1 điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 điều 24, khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị D.

1.1. Về Hôn nhân: Cho Hà Thị D ly hôn với anh Hà Văn H.

1.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Hà Thị D, sinh ngày 22/12/2013 cho chị Hà Thị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Giao cháu cháu Hà Quang H, sinh ngày 27/11/2015 cho anh Hà Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Chị Hà Thị D và anh Hà Văn H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hà Văn H và chị Hà Thị D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết, chị D và anh H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, anh Hà Văn H phải giao cháu Hà Thị D cho chị Hà Thị D.

1.3. Về tài sản, công nợ chung: Chị D và anh H không yêu cầu, nên không xét.

2. Về án phí: Chị Hà Thị D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004277 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, có mặt Nguyên đơn và Bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Quan Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Quan Hóa;
- UBND xã Hiền Kiệt, H. Quan Hóa;
- Nguyên đơn Hà Thị D;
- Bị đơn Hà Văn H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Tiến Dũng**

